TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ G** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HS-ST
Ngày: 24-4-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G, TỈNH ĐẮK NÔNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Ất và ông Nguyễn Trọng Sơn.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thanh Dung - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2018/TLST- HS ngày 02 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Minh T, sinh năm 1989, tại tỉnh B; nơi thường trú: Tổ 2, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở hiện nay: không nơi ở nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh K (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; bị cáo chưa có vợ con; tiền án 01 tiền án về tội Cố ý gây thương tích theo bản án số 06/2012/HSPT ngày 21/02/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông và 01 tiền án về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản theo bản án số 10/2016/HSST ngày 29/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ; bị bắt tạm giam ngày 20/01/2018; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Mai Xuân N, sinh năm: 1959; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh T - vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 15/11/2017 Nguyễn Minh T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, kiểu dáng Sirius, BKS 48B1- 434.05 đến địa phận thuộc tổ 6, phường N, thị xã G thì ghé vào cửa hàng xăng dầu số 19 để đổ xăng nhưng không thấy nhân viên bán xăng nên T nảy sinh ý định tìm tài sản để trộm cắp. T đi vòng ra dãy phòng ngủ phía sau, phát hiện phòng ngủ của ông Mai Xuân N không khóa cửa, T đi vào phòng lấy của ông N 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ViVo-V3, 01 chiếc ví da bên trong có 8.600.000đ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam và 01 chứng

minh Công an nhân dân mang tên Mai Xuân N. Sau khi chiếm đoạt được tài sản trên, T tiêu xài hết 3.150.000 đồng. Ngày 20/01/2018 T ra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình, đồng thời giao nộp số tiền còn lại 5.450.000 đồng và chiếc điện thoại cho Cơ quan điều tra.

Vật chứng thu giữ:

- 01chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ViVo-V3, số IMEI 1: 860907035702377; Số IMEI 2: 860907035702369; 01 chiếc ví da nam màu đen; tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 5.450.000 đồng và 01 Chứng minh Công an nhân dân số 077- 081 mang tên Mai Xuân N.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 08/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã G kết luận: Chiếc điện thoại trị giá 2.200.000đ; 01 chiếc ví da nam màu đen trị giá 20.000đ.

Ngày 11/3/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã G ra Quyết định xử lý vật chứng số 234, trả lại 01 chiếc điện thoại di động, 01 chiếc ví da, 01 Chứng minh công an nhân dân và số tiền 5.450.000đ cho ông Mai Xuân N. Sau khi nhận lại những tài sản trên, ông Mai Xuân N yêu cầu Nguyễn Minh T phải bồi thường số tiền 3.150.000 đồng.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định chiếc xe chiếc xe mô tô BKS 48B1- 434.05 do T mượn của chị Nguyễn Thị P, trú tại thôn 6, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, T đã trả cho chị P. Chị P không biết T sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện phạm tội nên không xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 17/CTr-VKS ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã G đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh, điểm, khoản và Điều luật áp dụng là đúng, không oan; người bị hại có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 3.150.000 đồng.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản. Tuy nhiên tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì Bộ luật Hình sự năm 1999 đang có hiệu lực. So với khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 thì khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015 không có quy định nào có lợi hơn cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Về trách nhiệm dân sự, người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 3.150.000 đồng nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Tại phiên toà bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác đã được lưu trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 15/11/2017 Nguyễn Minh T đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của ông Mai Xuân N, lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ViVo-V3, 01 chiếc ví nam và 8.600.000 đồng tiền mặt; tổng giá trị tài sản mà T chiếm đoạt được là 10.820.000 đồng. Trước khi thực hiện hành vi trộm cắp ngày 15/11/2017, Nguyễn Minh T đã từng bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông kết án 05 năm tù về tội Cố ý gây thương tích, đã chấp hành xong hình phạt ngày 11/10/2014 nhưng chưa được xóa án tích, ngày 29/5/2015 T lại phạm tội Cố ý làm hư hỏng tài sản, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông kết án 01 năm tù và ngày 30/10/2016 T đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý. Do đó có đủ căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản" và thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm" theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

c) Tái phạm nguy hiểm

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự tại địa phương, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, mặc dù sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, đã thành khẩn khai báo về hành vi của mình nhưng Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo hình phạt tù với mức hình phạt nghiêm khắc xứng với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Ông Mai Xuân N bị chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ViVo-V3, 01 chiếc ví nam và 8.600.000 đồng tiền mặt. Chiếc điện thoại, ví da và 5.450.000đ tiền mặt đã được trao trả. Đối với số tiền 3.150.000 đồng, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ông N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về vật chứng: 01 chiếc điện thoại di động, 01 chiếc ví da, 01 Chứng minh công an nhân dân và 5.450.000 đồng là tài sản hợp pháp của ông N. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã G ra quyết định xử lý vật chứng số 234 trả lại cho ông N

là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Đối với chị Nguyễn Thị P là người cho bị cáo mượn xe mô tô BKS 48B1-434.05 nhưng không biết T sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện phạm tội, chị P cũng đã được nhận lại xe nên không đề cập xử lý là phù hợp.

[6] Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

2. Việc xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã G ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 chiếc điện thoại di động, 01 chiếc ví da, 01 Chứng minh công an nhân dân và 5.450.000 đồng cho ông Mai Xuân N.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
-VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thị xã G;
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã G;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã G;
- Chi cục THADS thị xã G;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thắm